TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST Ngày: 26-01-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Thanh Hải

2. Bà Phạm Thị Bé

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 1110/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ng Th B, sinh năm 1989; địa chỉ: B1/24A khu phố B, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Ph Ng T, sinh năm 1988; địa chỉ: B1/24A khu phố B, phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị Ba trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ph Ng T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2017 ngày 05/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Hiện vợ chồng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Nay, bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tiến

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Ph Ng Ng, sinh ngày 05/10/2017. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu giao con chung cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con,

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ph Ng T đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 179; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Tiến không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà B khởi kiện ông T yêu cầu ly hôn, ông T hiện đang sinh sống tại địa chỉ: B1/24A, Khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Ph Ng T theo đúng quy định tại các Điều 179; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông T trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn bà Ng Th B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th B và ông Ph Ng T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2017 ngày 05/01/2017 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà Ba xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà Ba khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Tiến.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập ông T tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà B xác định bà không còn tình cảm với ông T, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ba về việc ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Ph Ng Ng, sinh ngày 05/10/2017. Sau khi ly hôn bà B yêu cầu giao con cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, bà B có việc làm, thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con; hiện nay cháu Ngân còn nhỏ lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N Th B không yêu cầu ông Ph Ng T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng Th B với bị đơn ông Ph Ng T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th B được ly hôn ông Ph Ng T.

- Về con chung: Giao cháu Ph Ng Ng, sinh ngày 05/10/2017 cho bà Ng Th B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ph Ng T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom

con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ng Th B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001743 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết